SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ QUẢN LÝ HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR AGRICULTURAL AND ENVIRONMENTAL MONITORING AND INFRASTRUCTURE MANAGEMENT
Địa chỉ: 24 Hồ Nguyên Trừng, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng
Tel: 0236.3740.556 Email: ttqttnmt@danang.gov.vn Website: dmc.danang.vn

VIMCERTS 085

Số/No:
620/KQ-ML/2026-43p81

Ngày/Date: 16/9/2026
Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample:* **Mẫu nước thải**
2. Số lượng mẫu/*Quantity of sample:* 01
3. Ký hiệu mẫu/*Sample ID:* NT1
4. Đơn vị lấy mẫu/*Sampling units:* **Trung tâm Quan trắc và Quản lý hạ tầng nông nghiệp và môi trường**
5. Ngày lấy mẫu/*Observed date:* 03/9/2026
6. Ngày thử nghiệm/*Date of testing:* 03/9/2026 – 11/9/2026
7. Tình trạng mẫu/*Sample status:* Mẫu được bảo quản theo quy định
8. Khách hàng/*Client:* **Cảng Hàng Không Chu Lai – CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam-CTCP**
9. Địa chỉ/*Address:* Xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng
10. Kết quả thử nghiệm *(Test results)*:

TT *(No)*	Thông số *(Parameters)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Phương pháp thử *(Test methods)*	Kết quả *(Test results)*	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1)
				NT1	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,5	**5-9**
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD.HT.43	344	**1.000**
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	7,5	**100**
4	BOD_5 (20^0C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	9,3	**50**
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	9,94	**10**
6	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	US EPA Method 352.1	22,0	**50**
7	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,63	**10**
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,055 (<LOQ)	**10**
9	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (<0,02)	**4**
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (<1,0)	**20**
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$1,7.10^4$	**5.000**

1. Kết quả trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Không được trích sao Phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Quản lý hạ tầng NN&MT
3. Trong vòng 07 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TTQTQLHT sẽ tiến hành hủy mẫu
(*) Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VILAS 222)
(**) Thông số do nhà thầu phụ thực hiện

Scanned with CamScanner

Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải của Cảng hàng không Chu Lai, tọa độ VN2000 X(m) = 1704322, Y(m) = 602062;
- KPH: Không phát hiện;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích ($LOQ_{Tổng\ các\ CHĐBM} = 0,10\ mg/L$);
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Nước thải sinh hoạt (áp dụng cột B, với K=1).

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH

Phan Thị Tuyết

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ QUẢN LÝ HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Văn Thanh

Scanned with CamScanner